

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-11-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phương

2. Ông Lê Văn Công

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phùng Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Phương Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 590/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025; giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số C, Khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985; địa chỉ: Số C, Khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là xã H, tỉnh Gia Lai) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79; Quyển số 01 ngày 02/12/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H hay uống rượu về nhà chửi bới vợ con, nhiều lần có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Trước đây bà đã nộp đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án, nhưng sau đó bà rút đơn khởi kiện để vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng ông H vẫn không thay đổi vẫn hay nhậu nhẹt về đánh chửi bà. Vợ chồng đã sống ly thân được 02 tháng nay. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông H nên bà cương quyết không đồng ý rút đơn khởi kiện. Trường hợp Tòa án không cho bà ly hôn với ông H

thì bà cũng không quay trở về sống với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồ Đăng K, sinh ngày 31/5/2007 và Nguyễn Hồ Thái H1, sinh ngày 01/7/2013. Khi ly hôn bà T yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Hồ Thái H1, sinh ngày 01/7/2013 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Riêng cháu Nguyễn Hồ Đăng K, sinh ngày 31/5/2007 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H thống nhất lời trình bày của bà T về quan hệ hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn. Trước đây là T đã nộp đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án, lý do ông có quan hệ với người phụ nữ khác, nhưng sau đó bà T rút đơn về và ông đã từ bỏ không quen người phụ nữ đó nữa. Cách đây khoảng 02 tháng, vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn lý do ông đi nhậu về say rượu nên vợ nói gì đó hai bên mới xảy ra cãi nhau, bà T kêu Công an đến để giải quyết, nhưng khi Công an đến nhà thì bà T bỏ nhà đi đâu ông không biết và hai ngày hôm sau bà T mới về thì ông có nói đi thì đi luôn rồi hai bên xảy ra cãi nhau, sau đó bà T bỏ nhà đi ở với con trai từ đó cho đến nay. Ngoài ra, mâu thuẫn vợ chồng một phần ra do bà T hay đi tập thể dục, ăn mặc hở hang không phù hợp nên xảy ra cãi vã.

Nay, ông H xác định do ông vẫn còn tình cảm với vợ nên ông không đồng ý ly hôn với bà T. Trường hợp bà T không quay về sống chung với ông thì vợ chồng sống riêng, nhưng ông vẫn cương quyết không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồ Đăng K, sinh ngày 31/5/2007 và Nguyễn Hồ Thái H1, sinh ngày 01/7/2013. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị T yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Hồ Thái H1, sinh ngày 01/7/2013 cho ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì ông đồng ý. Riêng cháu Nguyễn Hồ Đăng K, sinh ngày 31/5/2007 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Việc bà T có thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hay không ông H không quan tâm và cũng không yêu cầu bà T mỗi tháng phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T khởi kiện ông H yêu cầu ly hôn, ông H hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Số C, Khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, bị đơn ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là xã H, tỉnh Gia Lai) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79; Quyển số 01 ngày 02/12/2005 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H. Ông H thì cho rằng vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng do ông vẫn còn tình cảm với vợ nên ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án đã hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng bà T cương quyết không đồng ý đoàn tụ và có ý kiến nếu Tòa án không cho bà ly hôn thì bà cũng không quay trở lại sống với ông H. Mặc khác, trước đây bà T đã nộp đơn ly hôn, sau đó rút đơn để vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng không thành. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông H.

[3.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồ Đăng K, sinh ngày 31/5/2007 và Nguyễn Hồ Thái H1, sinh ngày 01/7/2013. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị T yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Hồ Thái H1, sinh ngày 01/7/2013 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì được ông H đồng ý và nguyện vọng của cháu Nguyễn Hồ Thái H1 muốn sống với ông H. Do đó, có căn cứ giao con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Riêng cháu Nguyễn Hồ Đăng K, sinh ngày 31/5/2007 đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T với bị đơn ông Nguyễn Văn H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Hồ Thái H1, sinh ngày 01/7/2013 cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0029444 ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;

- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;

- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;

- Các đương sự;

- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết